TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/**2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2020
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng

Ông Nguyễn Phi Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thùy Trang-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thụy Triều M, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Tran Anh N, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: E. Unit. Tempe, AZ, USA (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2020 và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thụy Triều M *trình bày:*

Tôi và ông Tran Anh N đăng ký kết hôn ngày 05/8/2016, tại UBND quận T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chồng tôi định cư tại Mỹ, còn tôi sống tại Việt Nam, vợ chồng không có trách nhiệm, quan niệm sống khác nhau, không liên lạc trong thời gian dài, dẫn đến không còn tình cảm. Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Tran Anh N.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung.

Tại văn bản ủy quyền vắng mặt đề ngày 20/02/2020 có chứng nhận Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ và đơn trình bày ý kiến ngày 15/4/2020, bị đơn ông Tran Anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý thuận tình ly hôn với bà Phạm Thụy Triều M.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung. Tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có. Hiện nay tôi đang sinh sống và định cư ở Hoa Kỳ, nên không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn được. Tôi đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thụy Triều M. Địa chỉ: Số A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Tran Anh N. Địa chỉ: E. Unit. Tempe, AZ, USA, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - bà Phạm Thụy Triều M và bị đơn - ông Tran Anh N, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Tran Anh N theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 15/4/2020, ông Tran Anh N có văn bản trình bày xin xét xử ly hôn vắng mặt, đồng thời yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết vụ án. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Tran Anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thụy Triều M và ông Tran Anh N đăng ký kết hôn ngày 05/8/2016 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 37) tại UBND quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà M, do ông Tran Anh N định cư tại Mỹ, còn bà sống tại Việt Nam, vợ chồng không có trách nhiệm, quan niệm sống khác nhau, không liên lạc trong thời gian dài, dẫn đến không còn tình cảm. Nguyện vọng của bà M xin được ly hôn với ông Tran Anh N.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M, thấy: Sau khi kết hôn năm 2016 cho đến nay, bà M và ông Tran Anh N mỗi người sống mỗi nơi. Bản thân ông Tran Anh N cũng yêu cầu Tòa giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét thấy: Hôn nhân giữa bà M và ông Tran Anh N chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông Tran Anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: bà Mvà ông Tran Anh N, xác định không có.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà M và ông Tran Anh N xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: " Ly hôn" của bà Phạm Thụy Triều M đối với ông Tran Anh N**.**

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thụy Triều M với ông Tran Anh N

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thụy Triều M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002557 ngày 20/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thụy Triều M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thụy Triều M được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tran Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND Quận T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thúy Năng